

BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến: *Một số biện pháp giúp học sinh lớp 5 phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa.*

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Dạy phân môn Luyện từ và câu cho học sinh lớp 5 Trường TH Quang Trung.

3. Tác giả

Họ và tên: Bùi Thị Kim Duyên

Ngày, tháng, năm sinh: 05/10/1980.

Chức vụ: Giáo viên – Tổ phó tổ 5 - Trường Tiểu học Quang Trung

Điện thoại: 0973159889.

4. Đơn vị áp dụng sáng kiến

Tên đơn vị: Trường Tiểu học Quang Trung

Địa chỉ: Xã Quang Trung - Huyện An Lão – Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : 0917666198.

II. Mô tả giải pháp đã biết

II. 1. Thực trạng giải pháp đã biết

Trong chương trình Tiểu học, môn Tiếng Việt giữ một vị trí đặc biệt quan trọng, chiếm thời lượng nhiều nhất. Bởi vì nó vừa là môn khoa học, vừa là môn công cụ giúp học sinh có kỹ năng lĩnh hội những kiến thức của các môn học khác. Một trong những phân môn rèn cho học sinh kỹ năng nói viết thành câu là Luyện từ và câu. Mạch kiến thức Luyện từ và câu được mở rộng và nâng cao dần cho học sinh tiểu học từ lớp 2 đến lớp 5. Trong chương trình môn Tiếng Việt lớp 5, nội dung nghĩa của từ được tập trung biên soạn có hệ thống trong phần luyện từ và câu. Học sinh được học về các lớp từ, đó là: từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm và từ nhiều nghĩa. Mạng kiến thức này khá trừu tượng đối với học sinh. Tài liệu tham khảo dành cho giáo viên và học sinh tiểu học về các lớp từ cũng ít.

Các em được học 1 tiết về từ đồng âm ở tuần 5. Trong tiết này các em được học khái niệm về từ đồng âm, các bài tập chủ yếu giúp học sinh phân biệt nghĩa của từ đồng âm, đặt câu phân biệt từ đồng âm. Tiết “Dùng từ đồng âm để chơi chữ” được giảm tải, vì thế thời lượng nội dung này còn quá ít, chưa có tiết luyện tập.

Từ nhiều nghĩa được dạy trong 2 tiết ở tuần 7 và 1 tiết ở tuần 8. Tiết 1 của tuần 7 học sinh được học khái niệm về từ nhiều nghĩa. Các bài tập chủ yếu là phân biệt các từ mang nghĩa gốc và nghĩa chuyển. Hai tiết còn lại học sinh được luyện tập về từ nhiều nghĩa với các dạng bài tập như giới thiệu nghĩa của một từ và yêu cầu học sinh tìm hoạt động đúng với nghĩa cho trước hoặc đặt câu phân biệt nghĩa chuyển, nghĩa gốc, nêu các nét nghĩa khác nhau của một từ. Duy nhất có 1 bài tập (bài 1 trang 32 – SGK Tiếng Việt 5 – Tập 1) có dạng phân biệt, nhận diện từ đồng âm và từ nhiều nghĩa. Như vậy số lượng bài tập thực hành giúp học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa còn quá ít trong khi đó khả năng tư duy trừu tượng của học sinh còn hạn chế và thực tế sử dụng các từ đồng âm, từ nhiều nghĩa trong các văn cảnh, trong cách nói của người Việt Nam lại rất nhiều.

Qua các tiết dự giờ, tôi nhận thấy giáo viên thường sử dụng các giải pháp:

- Giảng dạy theo các nội dung có sẵn trong sách giáo khoa, sách giáo viên theo quy trình:

+ Đối với loại bài dạy lí thuyết: Giới thiệu bài – Hình thành khái niệm (Phân tích ngữ liệu – Ghi nhớ kiến thức) – Hướng dẫn luyện tập – Củng cố dặn dò.

+ Đối với loại bài Luyện tập: Giới thiệu bài – Hướng dẫn thực hành – Củng cố dặn dò.

- Yêu cầu học sinh ghi nhớ kiến thức bằng cách học thuộc lòng mục ghi nhớ.

- Giáo viên chủ yếu sử dụng phương pháp truyền thống như: giảng giải, vấn đáp. Giáo viên là người hoạt động chủ yếu.

II.2. Ưu điểm

Các biện pháp được áp dụng giúp học sinh:

- Xác định rõ các đặc điểm, cấu tạo của từ đồng âm, từ nhiều nghĩa về hình thức và bản chất.

- Đặt được câu phân biệt nghĩa của các từ đồng âm, từ nhiều nghĩa.

- Tạo điều kiện để học sinh bộc lộ cách hiểu của mình. Cảm nhận tác dụng của từ đồng âm, từ nhiều nghĩa trong cảm thụ văn học.

- Dạy cho học sinh nắm vững các bài lí thuyết sau đó mới luyện tập.

- Giúp học sinh phân biệt và xác định đúng được yêu cầu của bài tập.

- Qua các bài tập thực hành về từ đồng âm, từ nhiều nghĩa các em được tự kiểm tra, kiểm tra lẫn nhau về kết quả mình đã làm được.

Trong quá trình dạy học tôi sử dụng các biện pháp một cách nhẹ nhàng, phù hợp với đối tượng và sự tiến bộ của học sinh. Việc lồng ghép một số trò chơi học tập hay nêu gương nhận biết, phân biệt trước lớp đã góp phần tạo cho các em hứng thú khi làm bài; ý thức học bài, làm bài cũng như việc ghi nhớ kiến thức của các em tốt hơn. Học sinh mạnh dạn hơn trong giao tiếp với người xung quanh.

II.3. Những bất cập, hạn chế.

a. Giáo viên

Trong quá trình dạy các bài từ đồng âm, từ nhiều nghĩa mỗi giáo viên đều làm đúng vai trò của người hướng dẫn, tổ chức cho học sinh tích cực lĩnh hội kiến thức, song do thời lượng quá ít nên không có thời gian giúp học sinh phân biệt về từ đồng âm và từ nhiều nghĩa.

Giáo viên chưa thực sự chú trọng đến xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ nhiều nghĩa khi dạy học sinh phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa trong các bài học.

Hệ thống biện pháp chưa phong phú, giáo viên chưa nghiên cứu kĩ nội dung, biện pháp, hình thức tổ chức dạy học trước khi lên lớp.

Việc sử dụng phương tiện dạy học và đồ dùng chưa phong phú, đa dạng nên chưa hấp dẫn học sinh một cách tuyệt đối trong việc tập trung vào bài học.

Một số giáo viên chưa đánh giá đúng mức vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc dạy học phân môn Luyện từ và câu, chưa sâu sát việc nắm bắt tâm lí của học sinh và phụ huynh.

Ở một số tiết dạy giáo viên chưa thể hiện sự quan tâm đúng mức đến đối tượng học sinh yếu, đặt yêu cầu chưa cao vào việc tìm và phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa đối với học sinh và cuốn hút học sinh vào hoạt động này. Do

đó, sau các bài học, học sinh chỉ nắm được kiến thức về các nội dung học một cách tách bạch.

Hầu như GV ít đọc tài liệu tham khảo, ít học hỏi và trao đổi với đồng nghiệp. Khả năng lấy thêm ví dụ ngoài sách giáo khoa ở nội dung này đưa vào để giảng thêm cho học sinh hiểu sâu cũng là một hạn chế đối với giáo viên.

b. Học sinh

Hầu hết học sinh lớp 5 khi học tiết Luyện từ và câu về từ đồng âm và từ nhiều nghĩa đều gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể:

- Khó khăn về việc giải nghĩa từ. Các em thường hiểu sai nghĩa của từ hoặc hiểu chưa đầy đủ.
- Việc phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa còn mơ hồ, lúng túng.
- Việc phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ nhiều nghĩa ở một số em còn chưa chính xác.
- Việc đặt câu có sử dụng từ đồng âm, từ nhiều nghĩa (với các nghĩa cho trước) nhiều khi chưa chính xác, chưa hay, chưa đúng với nét nghĩa yêu cầu.

Trong thực tế học sinh làm các bài tập về phân biệt và tìm các từ có quan hệ đồng âm, các nghĩa của từ nhiều nghĩa trong một số văn cảnh thì đa số học sinh lúng túng và làm bài chưa đạt yêu cầu.

Trần trở về vấn đề này, nhiều năm giảng dạy lớp 5 bản thân tôi đã trao đổi cùng đồng nghiệp, tổ chuyên môn trong nhà trường tìm tòi và thử nghiệm một số biện pháp nhằm giúp học sinh lớp 5 nhận ra đâu là hiện tượng đồng âm, đâu là hiện tượng nhiều nghĩa. Thực tế áp dụng vào giảng dạy đã đem đến những hiệu quả thiết thực, chính vì vậy mà tôi chọn ***“Một số biện pháp giúp học sinh lớp 5 phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa”*** để viết sáng kiến nâng cao chất lượng và công tác giảng dạy cho năm học này.

III. Nội dung giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến

III.1. Nội dung giải pháp mà tác giả đề xuất:

III.1.1. Biện pháp 1: Hướng dẫn học sinh hiểu rõ các khái niệm về từ đồng âm và từ nhiều nghĩa.

Trước hết, khi dạy bài “Từ đồng âm”, “Từ nhiều nghĩa” tôi đã chú trọng việc dạy cho học sinh nắm vững khái niệm về hai loại từ này. Cụ thể:

- *Từ đồng âm*: Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm nhưng khác hẳn nhau về nghĩa (SGK Tiếng Việt 5 – tập 1/ trang 51).
- *Từ nhiều nghĩa*: Là từ có một nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ nhiều nghĩa bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau. (SGK Tiếng Việt 5 – tập 1/ trang 67).

Đây là kiến thức cô đọng, xúc tích nhất dành cho học sinh Tiểu học ghi nhớ, vận dụng khi làm bài tập thực hành.

Bài học về từ đồng âm, từ nhiều nghĩa là loại bài khái niệm. Tôi tổ chức các hình thức dạy học để giải quyết các bài tập ở phần nhận xét giúp học sinh phát hiện các hiện tượng về từ, từ đó rút ra được những kiến thức về từ đồng âm và từ nhiều nghĩa. Bước tiếp theo tôi tổng hợp và chốt kiến thức như nội dung phần ghi nhớ và yêu cầu học sinh học thuộc ghi nhớ. Tâm lý học sinh thích làm những bài tập đơn giản, để lộ kiến thức, ngại học thuộc lòng, ngại viết các đoạn,

bài cần yếu tố tư duy. Biết vậy, tôi thường cho học sinh ngắt ý của phần ghi nhớ cho đọc nối tiếp, rồi ghép lại cho đọc toàn phần, đọc theo nhóm đôi, có lúc thi đua ai thuộc nhanh nhất. Sau đó tôi cho các em lấy ví dụ về hiện tượng đồng âm và hiện tượng nhiều nghĩa giúp các em nắm sâu và chắc chắn khái niệm về từ đồng âm cũng như từ nhiều nghĩa. Chuyển sang phần luyện tập tôi tiếp tục tổ chức các hình thức dạy học để giúp học sinh giải quyết các bài tập phần luyện tập. Sau mỗi bài tập tôi lại củng cố, khắc sâu kiến thức liên quan đến nội dung bài học, liên hệ thực tế và liên hệ tới các kiến thức đã học của phân môn LTVC nói riêng và các môn học nói chung để giúp học sinh ghi nhớ sâu hơn.

III.1.2. Biện pháp 2: Giúp học sinh biết cách so sánh từ đồng âm và từ nhiều nghĩa.

Khi học sinh đã được học và nắm vững khái niệm từ đồng âm và từ nhiều nghĩa, tôi bắt đầu yêu cầu học sinh kẻ bảng so sánh sự giống và khác nhau giữa từ đồng âm và từ nhiều nghĩa.

- Giống nhau: Phát âm giống nhau.(tức hình thức thể hiện trên chữ viết giống nhau).

- Khác nhau:

+ Từ đồng âm: Nghĩa hoàn toàn khác nhau.

+ Từ nhiều nghĩa: Có điểm giống nhau về nghĩa.

Như vậy, từ đồng âm và từ nhiều nghĩa đều có đặc điểm và hình thức giống nhau, đọc giống nhau, viết cũng giống nhau chỉ khác nhau về ý nghĩa.

Ví dụ 1: Chúng tôi ngồi vào **bàn¹** để **bàn²** công việc.

bàn¹ : Chỉ một đồ vật có mặt phẳng, chân đứng để đồ đạc hoặc làm việc.(Danh từ)

bàn² : Chỉ sự trao đổi ý kiến.(Động từ)

Hai từ **bàn** xét về hình thức ngữ âm thì hoàn toàn giống nhau còn nghĩa thì hoàn toàn khác nhau. Như vậy, **bàn¹** và **bàn²** là từ đồng âm.

Ví dụ 2: **Chân¹** anh đi khắp **chân²** trời góc bể.

Chân¹: là bộ phận cuối cùng của cơ thể con người, giúp nâng đỡ cơ thể, giúp cơ thể di chuyển.

Chân²: là bộ phận cuối cùng của sự vật, không giúp sự vật di chuyển được.

Hai từ **chân** phát âm giống nhau, đồng thời chúng có nét nghĩa giống nhau (đều là bộ phận cuối của sự vật). Như vậy, **chân¹** và **chân²** là từ nhiều nghĩa.

Để giúp học sinh không nhầm lẫn giữa từ đồng âm và từ nhiều nghĩa tôi đã dạy cho học sinh dựa vào một dấu hiệu phân biệt qua bảng tóm tắt sau:

Dấu hiệu phân biệt	Từ đồng âm	Từ nhiều nghĩa
Giống nhau	- Đọc giống nhau, viết giống nhau - Dựa vào văn cảnh để xác định nghĩa của từ.	- Đọc giống nhau, viết giống nhau - Dựa vào văn cảnh để xác định nghĩa của từ.
	- Thường khác từ loại Ví dụ:	- Luôn luôn cùng từ loại. Ví dụ:

Khác nhau	Chúng nó <u>tranh</u>¹ một quả bóng Động từ Mọi người đang xem <u>tranh</u>² Danh từ * Nếu cùng từ loại thì phần lớn là danh từ. Ví dụ: Tắm <u>vải</u>¹ này dày quá. Danh từ Năm nay quê em được mùa <u>vải</u>² . Danh từ - Các từ đồng âm có nghĩa khác hẳn nhau. - Một số từ đồng âm xuất hiện từ quy luật chuyển từ loại. Ví dụ: Bỏ đèn <u>cày</u>¹ Bỏ đang <u>cày</u>² ngoài đồng. cày¹ : Chỉ một loại nông cụ. cày² : Động từ dùng chỉ cày để lật đất. (chuyển loại từ danh từ sang động từ).	Lan <u>ăn</u>¹ cơm Động từ Tàu <u>ăn</u>² hàng ở cảng Động từ - Giữa nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ luôn có mối liên hệ về nghĩa. - Tất cả nghĩa chuyển đều xuất phát từ quy luật chuyển nghĩa của từ. Ví dụ: Ngôi <u>nhà</u>¹ vừa mới xây xong. Cả <u>nhà</u>² vui vẻ trò chuyện. nhà¹ : chỉ nơi ở nhà² : Chỉ những người sống trong nơi ở đó.
--------------	---	---

III.1.3. Biện pháp 3: Hướng dẫn học sinh nhận biết và phân biệt từ một nghĩa và nhiều nghĩa.

Muốn hiểu rõ hơn khái niệm về từ nhiều nghĩa ta có thể so sánh từ nhiều nghĩa với từ một nghĩa. Từ nào là tên gọi của một sự vật, hiện tượng biểu đạt một khái niệm thì từ ấy chỉ có một nghĩa. Từ nào là tên gọi của một sự vật, hiện tượng biểu thị nhiều khái niệm thì từ ấy là từ nhiều nghĩa.

Để học sinh nhận biết thế nào là từ một nghĩa, thế nào là từ nhiều nghĩa trước hết tôi cho học sinh ví dụ để phân biệt từ có một nghĩa.

Ví dụ 1: “xe đạp”: chỉ loại xe người đi, có hai bánh, dùng sức người đạp cho quay bánh. Đây là nghĩa duy nhất của từ **xe đạp**. Vậy từ **“xe đạp”** là từ một nghĩa.

Ví dụ 2: Với từ **“ăn”**

- **ăn cơm:** Cho vào cơ thể thức ăn nuôi sống (nghĩa gốc)
- **ăn cưới:** Ăn uống nhân dịp cưới.
- **(da) ăn nắng:** Da hấp thụ ánh nắng cho thấm vào, nhiễm vào.
- **ăn ảnh:** vẽ đẹp được tôn lên trong ảnh.
- **(tàu) ăn hàng:** tiếp nhận hàng để chuyên chở.
- **(sông) ăn ra biển:** Lan ra, hướng đến biển
- **(sơn) ăn mặt:** Làm hủy hoại dần từng phần.

Như vậy từ **“ăn”** là từ nhiều nghĩa.

Với cách hướng dẫn nhận diện này các em sẽ phân biệt từ một nghĩa và từ nhiều nghĩa một cách dễ dàng hơn.

III.1.4. Biện pháp 4: Giúp học sinh phát hiện ra mối liên hệ ý nghĩa giữa nghĩa chuyển và nghĩa gốc của từ nhiều nghĩa.

Chương trình phân môn luyện từ và câu không đề cập tới nghĩa đen và nghĩa bóng của từ nhiều nghĩa mà đề cập tới nghĩa chuyển và nghĩa gốc. Nghĩa đen chính là nghĩa gốc của từ, còn được gọi là nghĩa trực tiếp, là nghĩa đầu tiên của từ, là cơ sở để tạo ra các nghĩa khác. Trong từ điển nghĩa đen được nói tới đầu tiên. Nghĩa bóng cũng chính là nghĩa chuyển, là loại nghĩa được hình thành từ nghĩa đen (hoặc nghĩa chuyển này được hình thành từ nghĩa chuyển khác) có mối liên hệ mật thiết với nghĩa đen. Nghĩa bóng (nghĩa chuyển) là sản phẩm của hoạt động chuyển nghĩa của từ theo các phương thức như ẩn dụ, hoán dụ. Trong từ điển, nghĩa bóng được nói đến sau nghĩa đen. Nghĩa bóng (nghĩa chuyển) cũng mang tính cố định, ổn định, bền vững, tính xã hội và tính dân tộc như nghĩa đen. Vì vậy, trước hết tôi giới thiệu cho học sinh biết về nghĩa của từ:

- Mỗi từ bao giờ cũng có một nghĩa chính, nghĩa gốc (còn gọi là nghĩa đen). Nghĩa gốc là nghĩa trực tiếp, gần gũi, quen thuộc, dễ hiểu. Nghĩa gốc không hoặc ít phụ thuộc vào văn cảnh.

- Ngoài ra, một số từ còn có thêm các nghĩa khác. Các nghĩa này có sau (nghĩa chuyển, nghĩa ẩn dụ), được suy ra từ nghĩa gốc.

- Muốn hiểu nghĩa chính xác của một từ được dùng phải tìm nghĩa trong văn cảnh.

- Ngoài ra, cũng có một số từ mang tính chất trung gian giữa nghĩa gốc và nghĩa chuyển hoặc đang chuyển dần từ nghĩa gốc sang nghĩa chuyển.

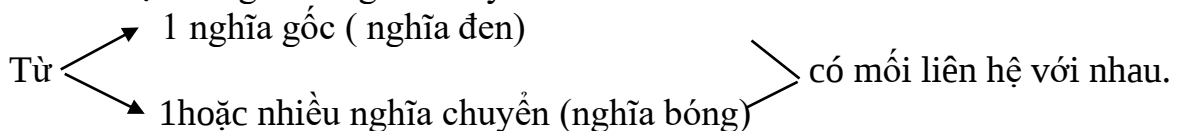
Ví dụ 1: Tôi đi sang nhà hàng xóm.

Trong ví dụ này từ đi có nghĩa là chỉ (người) tự di chuyển từ nơi này đến nơi khác, không kể bằng cái gì. Nghĩa này của từ đi không hoàn toàn giống nghĩa gốc (hoạt động của hai bàn chân di chuyển từ nơi này đến nơi khác). Nhưng nó vẫn có mối quan hệ với nghĩa gốc (di chuyển từ nơi này đến nơi khác).

Khi gặp hai hoặc nhiều nghĩa của từ trong văn cảnh, muốn biết từ đó dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển, tôi đã hướng dẫn học sinh thông qua cách nhận biết trực quan như sau:

- Từ nào có ý nghĩa cụ thể hơn: nghĩa của từ chỉ những sự vật, hiện tượng hoặc tính chất, hành động cụ thể, mà các em có thể cảm nhận được bằng giác quan thì từ đó được dùng theo nghĩa gốc.

- Từ nào có nghĩa trừu tượng hơn: nghĩa của từ chỉ những sự vật, hiện tượng hoặc hành động, tính chất mà các em không thể cảm nhận bằng giác quan thì từ đó được dùng theo nghĩa chuyển.



- Nếu cả hai nghĩa đều cụ thể, khó phân biệt được nghĩa nào cụ thể hơn, nghĩa nào trừu tượng hơn, thì có thể hướng dẫn học sinh dựa vào các dấu hiệu sau:

- + Nếu nghĩa của từ nào nói đến bản thân con người (hoặc động vật), hoặc tính chất, hành động của con người thì từ đó được dùng theo nghĩa gốc.

+ Nếu nghĩa của từ nói đến các đồ vật, vật có hình dạng, tính chất, hành động gần giống con người thì từ đó được dùng theo nghĩa chuyển.

Các từ mang nghĩa gốc thì nêu được nghĩa khác nhau nhưng phải bằng cách diễn giải. Còn phần nhiều các từ mang nghĩa chuyển thì nêu nghĩa bằng cách thay thế bằng một từ khác (mang nghĩa phụ).

Ví dụ 2: a. Bữa tối nhà em thường **ăn**¹ cơm muộn.

b. Xe này **ăn**² xăng quá!

c. Mẹ tôi làm công **ăn**³ lương.

- **ăn**¹ : chỉ hoạt động đưa thức ăn vào miệng. Hành động “ăn” trong câu a là hành động cụ thể (dùng miệng để ăn). Từ **ăn**¹ được dùng theo nghĩa gốc.

- **ăn**² : chỉ hoạt động tiêu thụ năng lượng để máy móc hoạt động. Hành động “ăn” trong câu b là hành động trừu tượng (không dùng miệng). Nên từ **ăn**² được dùng theo nghĩa chuyển.

- **ăn**³ : là hành động trừu tượng (không dùng miệng). Từ **ăn**³ được dùng theo nghĩa chuyển.

Như vậy, từ “**ăn**” nào chỉ hành động cụ thể (dùng miệng để ăn) thì từ đó được dùng theo nghĩa gốc. Từ “**ăn**” chỉ hành động (không dùng miệng) là những từ dùng theo nghĩa chuyển.

Qua các minh chứng trên, tôi đã chốt lại cho học sinh nắm vững mối liên hệ giữa nghĩa của từ trong văn cảnh cụ thể: Từ đồng âm là nhiều từ nhưng nghĩa các từ trong văn cảnh đều là nghĩa gốc (còn gọi là nghĩa chính). Còn từ nhiều nghĩa thì chỉ là một từ có một nghĩa gốc còn các nghĩa khác là nghĩa chuyển từ nghĩa gốc.

III.1.5. Biện pháp 5: Hướng dẫn học sinh đặt câu phân biệt nghĩa của các từ đồng âm và từ nhiều nghĩa.

Một trong những kĩ năng quan trọng khi dạy phân môn Luyện từ và câu là dạy cho học sinh biết sử dụng từ để đặt câu. Để rèn luyện kĩ năng đó, khi dạy học sinh phân biệt nghĩa của từ đồng âm, từ nhiều nghĩa tôi đã cho học sinh làm các bài tập đặt câu phân biệt nghĩa. Muốn đặt đúng câu có từ cho sẵn được dùng theo nét nghĩa nào thì học sinh phải hiểu và đặt được câu vào các văn cảnh cụ thể.

Ví dụ 1: Đặt câu phân biệt nghĩa các từ nhiều nghĩa: **đường**.

Để phân biệt các nét nghĩa khác nhau của từ nhiều nghĩa **đường**, tôi hướng dẫn học sinh tìm các nét nghĩa khác nhau của từ.

- Từ **đường** trong câu:

+ Lối đi nối liền hai hay nhiều điểm (đường quốc lộ).

Ví dụ: Ngoài **đường** xe cô đi lại nườm nượp.

+ Phương tiện truyền đi, chuyển đi cái gì đó (đường ống dẫn nước; đường điện thoại; đường thủy).

Ví dụ: Thời tiết xấu nên **đường** truyền kém.

+ Lối đi của vật chuyển động (đường tên bay).

Ví dụ: **Đường** tên bay vút qua trước mặt.

Ví dụ 2: Đặt câu theo yêu cầu:

- Một câu có bốn từ **cuộc** đồng âm với nhau.

- Một câu có ba từ **ăn** là hiện tượng nhiều nghĩa.

Trước hết tôi hướng dẫn học sinh tìm hiểu các nét nghĩa khác nhau của từ **cuộc** và từ **ăn**:

a, Với từ **cuộc**:

+ **cuộc¹** : đi bộ.

+ **cuộc²**: tên một đồ vật dùng để cuộc đất.

+ **cuộc³**: tên một hoạt động.

+ **cuộc⁴**: tên con chim cuộc.

Từ đó tôi cho các em tập đặt câu theo các nét nghĩa trên. Chẳng hạn: Khi chúng tôi đang **ăn** trưa trong một nhà hàng **ăn** khách bên bến cảng thì tàu về **ăn** than.

Như vậy, nếu dạy cho mỗi học sinh nắm vững những dấu hiệu phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa và rèn kỹ năng đặt câu phân biệt các hiện tượng từ đồng âm, từ nhiều nghĩa qua các bài tập thì học sinh sẽ ít nhầm lẫn khi phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa.

III.1.6. Biện pháp 6: Giúp học sinh biết cảm nhận tác dụng của từ đồng âm, từ nhiều nghĩa trong cảm thụ văn học.

Đôi khi sử dụng từ đồng âm, từ nhiều nghĩa tạo nên hiệu quả nghệ thuật nhất định, tạo nên sức hấp dẫn của một bài văn, bài thơ. Đối với những học sinh có năng khiếu Tiếng Việt tôi đã hướng dẫn các em phân biệt từ đồng âm, từ nhiều nghĩa qua các bài tập cảm thụ văn học.

Ví dụ: Hãy chỉ ra hiện tượng từ nhiều nghĩa trong đoạn văn, đoạn thơ sau và nêu cái hay của việc dùng hiện tượng từ nhiều nghĩa đó.

Tôi muốn ngày nào lớp cũng đông vui

Dầu tháng ba còn đi qua năm học

Mỗi **khoảng trống¹** trên bàn - có em vắng mặt

Là bao nhiêu **khoảng trống²** ở trong tôi ...

(Tháng ba đến lớp – Thanh Úng)

Với bài tập này tôi hướng dẫn các em cảm nhận được bài thơ sáng tác trong những ngày giáp hạt tháng ba, không còn thóc gạo để ăn nên thực trạng ở miền núi là học sinh nghỉ học ngày một nhiều. Hiểu được bối cảnh sáng tác các em sẽ hiểu được giá trị của từ nhiều nghĩa trong bài là từ **khoảng trống**.

- **khoảng trống¹** : là chỗ khuyết, vắng học sinh.

- **khoảng trống²**: là sự trống trải, hụt hẫng ở trong lòng.

Như vậy, việc sử dụng từ nhiều nghĩa **khoảng trống** nhà thơ Thanh Úng đã làm nổi bật nỗi xót xa, nỗi buồn trước hiện tượng học sinh miền núi nghỉ học ngày càng nhiều vì đói. Điều đó cho thấy tấm lòng yêu thương học trò tha thiết của thầy cô giáo đối với các em học sinh ở vùng quê nghèo.

III.2. Tính mới, tính sáng tạo

***Tính mới :**

- Với biện pháp chú trọng việc dạy cho học sinh nắm vững khái niệm về từ đồng âm, từ nhiều nghĩa khi dạy những bài này giúp học sinh nhận ra điểm giống và khác nhau giữa từ đồng âm và từ nhiều nghĩa. Giúp học sinh tháo gỡ những nhầm lẫn giữa từ đồng âm với từ nhiều nghĩa.

- Bằng biện pháp nhận diện từ nhiều nghĩa và từ một nghĩa đã phân biệt từ một nghĩa và từ nhiều nghĩa một cách dễ dàng hơn, trước khi dẫn đến hình thành khái niệm nghĩa gốc, nghĩa chuyển trong từ nhiều nghĩa.

- Phát hiện ra mối liên hệ ý nghĩa giữa nghĩa chuyển và nghĩa gốc của từ nhiều nghĩa giúp học sinh thiết lập mối quan hệ của từ với sự vật các em đã đặt câu đúng với ngữ cảnh.

- Mỗi học sinh nắm vững những dấu hiệu phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa và rèn kĩ năng đặt câu phân biệt các hiện tượng từ đồng âm, từ nhiều nghĩa.

- Khi biết cảm nhận tác dụng của từ đồng âm, từ nhiều nghĩa trong cảm thụ văn học học sinh cảm nhận được sức hấp dẫn của một bài văn, bài thơ. Các em biết vận dụng vào viết văn sinh động, giàu hình ảnh tạo sức hấp dẫn người đọc.

***Tính sáng tạo:**

Vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực (phương pháp đàm thoại, phương pháp nhóm, phương pháp trò chơi, phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, phương pháp giải quyết vấn đề ...), chú trọng hướng dẫn học sinh cách hình thành, nắm vững khái niệm, ghi nhớ kiến thức sự giống nhau và khác nhau giữa từ đồng âm, từ nhiều nghĩa; cách phân biệt, nhận diện từ đồng âm, từ nhiều nghĩa và luyện sử dụng từ đặt câu cũng như cảm nhận được giá trị nghệ thuật của từ đồng âm, từ nhiều nghĩa giúp học sinh nắm chắc kiến thức các lớp từ, vận dụng làm bài tập hiệu quả.

Đưa ví dụ phong phú khi dạy từng nội dung giúp học sinh hiểu sâu kiến thức về các lớp từ, bồi dưỡng vốn từ phong phú cho học sinh. Tôi lựa chọn ví dụ phù hợp với nội dung bài và lứa tuổi học sinh. Sau ví dụ tôi nêu câu hỏi, nêu vấn đề để học sinh suy nghĩ, trao đổi tạo không khí vui vẻ hứng thú, tích cực trong học tập góp phần giáo dục học sinh ý thức sáng tạo trong lao động, tinh thần yêu nước, tính nhân đạo. Học sinh được mở rộng hơn vốn hiểu biết của mình về Tiếng Việt, bồi dưỡng cho học sinh đam mê đọc sách.

III.3. Khả năng áp dụng nhân rộng

Đề tài đã được áp dụng cho các em học sinh khối 5 trường Tiểu học Quang Trung đạt hiệu quả cao. Việc áp dụng đề tài đã giúp cho GV có những định hướng đúng đắn, cũng như các phương pháp để tạo hứng thú tích cực học tập, nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt. Giải pháp có thể áp dụng giảng dạy cho học sinh lớp 5 ở các trường Tiểu học trên toàn Thành phố..

III.4. Hiệu quả, lợi ích thu được do áp dụng giải pháp

a. Về kinh tế

Đề tài mang tính phổ thông, gần gũi. Mọi giáo viên đều có thể sử dụng để dạy cho học sinh một cách dễ dàng, có hiệu quả. Sử dụng CNTT (máy tính, máy chiếu đã được trang bị); sáng tạo sử dụng các đồ dùng dạy học. Không tốn kém kinh phí mua tài liệu hoặc làm đồ dùng dạy học...

b. Về mặt xã hội

- Phát huy tính tích cực của học sinh là điều kiện để cá thể hóa dạy học và khuyến khích dạy học phát hiện ra nội dung bài học. Qua đó, sẽ phát triển được

năng lực sở trường của từng học sinh, rèn luyện học sinh trở thành những người lao động chủ động, sáng tạo.

- Học sinh hào hứng, phấn khởi, tích cực khi đến giờ học, tiếp cận, phát hiện, chiếm lĩnh kiến thức Tiếng Việt một cách tự nhiên, nhẹ nhàng. Các em hiểu được nội dung bài học, chủ động tìm tòi, khai thác, mở rộng, tích cực học tập, hệ thống hóa được kiến thức và ghi nhớ một cách bền vững các kiến thức Tiếng Việt đồng thời phát triển văn hóa đọc, thích thú sưu tầm tài liệu, sách, truyện...

- Tạo không khí lớp học thân thiện hơn, giữa giáo viên và học sinh có sự gắn kết, tôn trọng lẫn nhau. Đó chính là nền tảng giúp cho việc nâng cao hiệu quả của giờ học.

- Rèn cho học sinh các kỹ năng: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng suy nghĩ sáng tạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng làm chủ bản thân,.. Giúp học sinh phát triển năng lực, tư duy, trí thông minh, sáng tạo, cách suy nghĩ độc lập, tính cẩn thận, thận trọng, tự tin ham học hỏi; rèn luyện học sinh thói quen suy nghĩ và suy luận nhằm giải quyết những vấn đề cần thiết, tạo đà phát triển, tạo động lực, không ngừng vươn lên trong học tập cũng như cuộc sống.

- Góp phần hoàn thiện 3 năng lực và 4 phẩm chất cho học sinh tiểu học.

- Nhận thức của phụ huynh đối với môn Tiếng Việt cũng thay đổi, thay vì học để được điểm tốt mà phải tạo được hứng thú, say mê, tích cực học tập, đó mới là yếu tố quyết định khai thác tiềm năng, phát huy sáng tạo của học sinh.

- Giáo viên đã thay đổi cách suy nghĩ khi giảng dạy môn Tiếng Việt, thay vì chỉ nghĩ đến việc học sinh làm bài như thế nào, kết quả ra sao mà chú trọng tới việc tạo hứng thú, phát huy tính tích cực của học sinh. Đây chính là một trong những yếu tố để xây dựng trường học hạnh phúc.

- Giáo viên được học tập bồi dưỡng về kiến thức CNTT, biết vận dụng khai thác ứng dụng CNTT trong dạy học. Tích cực đổi mới phương pháp, giúp giáo viên từng bước nâng cao tay nghề, xây dựng duy trì mối quan hệ thân thiện đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong chuyên môn.

c. Giá trị làm lợi khác

Phát huy tính tích cực của học sinh trong phân môn Luyện từ và câu ở lớp 5 sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các em học tốt môn Văn học ở các cấp học cao hơn. Văn học là một môn khoa học, là “chìa khóa” mở cửa cho tất cả các môn học khác - công cụ cần thiết của người lao động trong thời đại mới. Văn học giúp học sinh có thẩm mỹ lành mạnh, nhận thức đúng đắn, có tình cảm thái độ hành vi của con người Việt Nam hiện đại, có khả năng hòa nhập và phát triển cộng đồng. Cho nên dạy tiếng trong khi dạy văn là cách bồi dưỡng năng lực ngôn ngữ tối ưu cho người học.

An Lão, ngày 08 tháng 02 năm 2023

**CƠ QUAN ĐƠN VỊ
ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

Bùi Thị Kim Duyên

